



Working Paper 2024.1.3.6
- Vol 1, No 3

NHỮNG CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VỀ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TRONG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG: THỰC TRẠNG THỰC THI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Đỗ Đoàn Anh¹, Trần Khánh Linh, Đặng Phương Nhi

Sinh viên K60 - CLC Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hà

Giảng viên hướng dẫn khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đã và đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các quốc gia phải có những cam kết quốc tế cụ thể để mở cửa thị trường cho các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng nước ngoài. Bài viết này tập trung nghiên cứu ba trong số các cam kết quốc tế của Việt Nam về hiện diện thương mại trong dịch vụ ngân hàng, cụ thể là Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Trên cơ sở đánh giá thực trạng thực hiện những cam kết trên, bài viết phân tích những thách thức đặt ra khi Việt Nam mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng, cũng như đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Từ khóa: Hiện diện thương mại, dịch vụ ngân hàng, GATS, CPTPP, EVFTA.

VIETNAM'S INTERNATIONAL COMMITMENTS ON COMMERCIAL PRESENCE IN BANKING SERVICES: IMPLEMENTATION STATUS AND CHALLENGES

Abstract

International integration in the banking services sector has been and is taking place strongly, requiring countries to have specific international commitments to open up the market to foreign banking service providers. This paper focuses on studying three of Vietnam's international commitments on commercial presence in banking services, namely the General Agreement on

¹ Tác giả liên hệ; email: doananh05032003@gmail.com

Trade in Services (GATS), the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP), and the Vietnam-EU Free Trade Agreement (EVFTA). Based on the assessment of the actual implementation of these commitments, the paper analyzes the challenges posed when Vietnam opens up the banking services market, as well as proposes some recommendations to improve the effectiveness of the implementation of Vietnam's international commitments in this area.

Key words: Commercial presence, banking service, GATS, CPTPP, EVFTA.

Lời mở đầu

Dịch vụ ngân hàng là một trong những lĩnh vực dịch vụ quan trọng nhất của nền kinh tế. Nó cung cấp các dịch vụ tín dụng cho các doanh nghiệp và cá nhân, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng (Thời báo Ngân hàng, 2022).

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng là xu hướng tất yếu. Việc mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng nước ngoài tham gia thị trường, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ ngân hàng, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trong ngành ngân hàng.

Việt Nam đã và đang tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có lĩnh vực dịch vụ ngân hàng. Trong số các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết để mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng, bài viết này tập trung nghiên cứu ba cam kết là Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Trên cơ sở đánh giá thực trạng thực hiện những cam kết trên, bài viết phân tích những thách thức đặt ra khi Việt Nam mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng, cũng như đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này.

1. Những cam kết quốc tế của Việt Nam về hiện diện thương mại trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng

1.1. Cam kết về hiện diện thương mại trong lĩnh vực ngân hàng trong Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ

Ngày 11/01/2007, sau khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam bắt đầu thực hiện các cam kết gia nhập của mình. Trong 12 ngành dịch vụ chính trong Hiệp định GATS của WTO, dịch vụ ngân hàng được xếp vào ngành dịch vụ tài chính. Tương tự như các ngành và phân ngành dịch vụ khác, khi gia nhập WTO, Việt Nam “cam kết mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo các nghĩa vụ chung cơ bản, bao gồm đãi ngộ tối huệ quốc và tính minh bạch” (Dự án hỗ trợ thương mại đa biên, 2006). Ngoài ra, Việt Nam còn cam kết tự do hóa dịch vụ ngân hàng thông qua việc loại bỏ các hạn chế về mở cửa thị trường và đãi ngộ quốc gia.

Hiệp định GATS đã mở ra cơ hội cho các ngân hàng thương mại nước ngoài gia nhập vào thị trường ngân hàng Việt Nam, qua ba khía cạnh chính:

Một là, ngân hàng thương mại nước ngoài được phép mở chi nhánh tại Việt Nam. Điều kiện để chi nhánh được cấp phép hoạt động là ngân hàng phải “có tổng tài sản trên 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn. Sau khi được cấp phép, chi nhánh còn phải chịu một số hạn chế, cụ thể là ngoài trụ sở chi nhánh đó, ngân hàng không được phép mở các điểm

giao dịch khác” (Bộ Công Thương, 2010, pp. 65-66). Ngoài ra, trong vòng 5 năm kể từ ngày Việt Nam gia nhập WTO, phải chịu hạn chế về tỷ lệ huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ thể nhân Việt Nam mà ngân hàng không có quan hệ tín dụng. Khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007, tỷ lệ này là “650% vốn pháp định được cấp và nâng dần qua từng năm”. Đến năm 2011, hạn chế về tỷ lệ được bãi bỏ và chi nhánh các ngân hàng thương mại nước ngoài hiện nay đã nhận được đối xử quốc gia đầy đủ.

Hai là, ngân hàng thương mại nước ngoài được thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, các ngân hàng liên doanh sẽ phải chịu hạn chế về tỷ lệ vốn góp - cụ thể, phần vốn góp các ngân hàng thương mại nước ngoài nắm giữ không được vượt quá 50%. Ngoài ra, ngân hàng thương mại nước ngoài phải có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn mới có thể được cấp phép thành lập ngân hàng liên doanh ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Một khi có giấy phép kinh doanh, các ngân hàng này sẽ được “đối xử như các ngân hàng Việt Nam trong mọi loại hình dịch vụ ngân hàng mà Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện” (Dự án hỗ trợ thương mại đa biên, 2006), bao gồm nhận tiền gửi và các khoản phải trả khác từ công chúng, phát hành thẻ tín dụng và mở chi nhánh trên toàn quốc.

Ba là, ngân hàng thương mại nước ngoài được phép tham gia góp vốn cho các ngân hàng thương mại Việt Nam dưới hình thức cổ phần. Tuy nhiên, tổng số cổ phần ngân hàng thương mại nước ngoài có quyền nắm giữ không được phép vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng. Ngoại lệ của hạn chế này là luật pháp Việt Nam có quy định khác hoặc được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cụ thể là Chính phủ.

1.2. Cam kết về hiện diện thương mại trong lĩnh vực ngân hàng trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

CPTPP là một trong những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có mức độ cam kết tự do hoá và tiêu chuẩn cao nhất, bao trùm lên cả hai lĩnh vực mại hàng hoá và dịch vụ đầu tư, trong đó có lĩnh vực ngân hàng. Cho đến thời điểm này, hiệp định CPTPP là Hiệp định đầu tiên và duy nhất xác lập khuôn khổ pháp lý và các điều khoản riêng cho ngành ngân hàng, quy định tại chương 9-“Đầu tư” và chương 11 -“Dịch vụ tài chính”. Tại đây, CPTPP đã đưa ra các quy định về thực hiện các biện pháp thúc đẩy sự ổn định tài chính, sự toàn vẹn của hệ thống tài chính giữa 11 nước thành viên. Hiệp định CPTPP cũng là Hiệp định đầu tiên và duy nhất cho đến thời điểm này xác lập khuôn khổ pháp lý với các điều khoản dành riêng cho ngành ngân hàng.

Tương tự với WTO, EVFTA cũng như một số hiệp định thương mại tự do khác, CPTPP đưa ra các quy định cốt lõi như: Đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, Tiếp cận thị trường và một vài quy định cụ thể về việc cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới.

Một khác biệt quan trọng của CPTPP là sử dụng cách tiếp cận chọn - bỏ hoàn toàn, trong khi Hiệp định về Thương mại Dịch vụ Toàn cầu (GATS) của WTO tuân theo một cách tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa nguyên tắc chọn - bỏ, và chọn - cho. Với cách tiếp cận này, các nước CPTPP được quyền đưa ra các biện pháp bảo lưu trái với 4 nghĩa vụ chính của chương thương mại dịch vụ xuyên biên giới (gồm: Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Tiếp cận thị trường, và Hiện diện tại nước sở tại); và 4 nghĩa vụ chính của chương đầu tư (Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Yêu cầu thực hiện, và Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) dưới hình thức là

một danh mục gọi là “Danh mục các biện pháp bảo lưu không thương thích với nghĩa vụ chính của chương dịch vụ và chương đầu tư” (Danh mục NCM).

Các cam kết chính của Việt Nam trong Danh mục NCM về dịch vụ ngân hàng liên quan mật thiết đến các nguyên tắc về hiện diện thương mại cụ thể như sau:

- Các tổ chức tín dụng nước ngoài được thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, với tổng số vốn góp không vượt quá 50% vốn điều lệ; ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- Trừ các trường hợp khác pháp luật Việt Nam quy định hoặc có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, tổng mức vốn góp mua cổ phần của tổ chức nước ngoài tại các NHTM cổ phần Việt Nam không được vượt quá 30% vốn điều lệ.

- Tổng mức vốn góp của nhà đầu tư chiến lược và những người liên quan tại NHTM cổ phần Việt Nam không được vượt quá 20% vốn điều lệ, trừ các trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Các yêu cầu về tổng tài sản của TCTD nước ngoài muốn thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam giúp thu hút được các nhà đầu tư quy mô lớn và uy tín bao gồm: Tổng tài sản tối thiểu của một ngân hàng nước ngoài để mở một chi nhánh tại Việt Nam là 20 tỷ đô la Mỹ (tính tại thời điểm cuối năm trước thời điểm mở chi nhánh); Tổng tài sản tối thiểu của một ngân hàng nước ngoài để thành lập ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng con 100% vốn nước ngoài là 10 tỷ đô la Mỹ (Tô Huy Vũ, 2019).

- Chỉ những cá nhân có quốc tịch Việt Nam mới được phép là cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần.

- Các tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập 01 văn phòng đại diện tại một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động kinh doanh mà chi nhánh đó không thực hiện tại nước nguyên xứ, không được mở các điểm giao dịch ngoài điểm được nêu trong giấy phép dưới bất kỳ hình thức nào. Ngoài ra, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng không được phép gọi vốn hoặc mua cổ phần và phải đảm bảo tỷ lệ an toàn theo mức vốn tự có (Bộ Công Thương, 2010, pp. 65-66).

Bên cạnh đó, các điều khoản về dịch vụ tài chính trong CPTPP cho phép các ngân hàng của các nước thành viên được cung cấp dịch vụ tài chính - ngân hàng xuyên biên giới, nghĩa là ngân hàng tại Úc có thể cung cấp dịch vụ cho người dân Việt Nam mà không cần có chi nhánh ngân hàng tại Việt Nam (Sở Công thương Ninh Bình, 2019). Điều này mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, đặc biệt là ở các khu vực đô thị, thông qua việc cung cấp một loạt dịch vụ đa dạng từ cả các ngân hàng Việt Nam và ngân hàng nước ngoài. Ngoài ra, các ngân hàng nước ngoài có thể lựa chọn hợp tác với các đối tác Việt Nam thông qua thỏa thuận sáp nhập và mua bán (M&A) (Phuong Nguyen, 2019). Thông qua việc sáp nhập hoặc mua bán, ngân hàng nước ngoài có thể nhanh chóng sở hữu hoặc hợp tác mật thiết với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính Việt Nam đang hoạt động trên thị trường. Điều này cho phép họ tận dụng mạng lưới của đối tác trong nước, kiến thức về thị trường và quy trình kinh doanh địa phương. Đây là một cách để nhanh chóng có mặt trên thị trường, tiết kiệm thời gian và công sức so với việc thiết lập một chi nhánh mới hoặc xin giấy phép mở rộng hoạt động từ đầu. Đồng

thời, phía Việt Nam cũng có cơ hội tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế về ngân hàng, tạo ra một mối quan hệ cùng có lợi.

Nhìn chung, CPTPP đã định rõ các hình thức hiện diện thương mại, cho phép các tổ chức tín dụng nước ngoài thiết lập hiện diện tại Việt Nam thông qua nhiều cách khác nhau, từ văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đến ngân hàng liên doanh và các công ty tài chính. Điều này tạo điều kiện cho sự đa dạng hóa và phát triển của ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Mặc dù CPTPP cho phép ngân hàng nước ngoài mở rộng hiện diện tại Việt Nam, Việt Nam đã thiết lập các quy định khắt khe và giới hạn về tỷ lệ sở hữu của tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Điều này có thể được hiểu như một biện pháp kiểm soát để đảm bảo sự ổn định trong hệ thống tài chính và ngân hàng của Việt Nam. Đối với các cam kết chung, phần lớn các quy định, cam kết cụ thể của Việt Nam về lĩnh vực ngân hàng là phù hợp và thống nhất với pháp luật của Việt Nam. Một số quy định mặc dù chưa tương thích (chủ yếu liên quan đến phần định nghĩa, giải thích khái niệm trong các FTA) nhưng có thể áp dụng trực tiếp mà không có cản trở về mặt pháp lý thì không cần thiết phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật.

1.3. Cam kết về hiện diện thương mại trong lĩnh vực ngân hàng trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU

EVFTA là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU. EVFTA là một trong hai FTA, bên cạnh CPTPP, có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. EVFTA được tách làm hai Hiệp định, một là Hiệp định Thương mại (EVFTA), và còn lại là Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA).

Trong Hiệp định EVFTA nói chung và về mở cửa thị trường dịch vụ qua biên giới nói riêng, các cam kết được các bên đàm phán với nhau theo nguyên tắc chọn - cho. Điều này tương tự như cách đàm phán trong WTO, nghĩa là Việt Nam sẽ chỉ mở cửa ở các lĩnh vực đã cam kết; ngoài ra Việt Nam có quyền quy định riêng đối với các lĩnh vực còn lại. Một số dịch vụ như nghe nhìn, vận tải hàng hải hành khách ven bờ hay thậm chí cả một số dịch vụ vận tải hàng không,... cũng được loại trừ sẵn trong cam kết, khi ấy hai bên sẽ không phải tuân thủ theo các nguyên tắc EVFTA.

Với cách tiếp cận này, hầu hết các nguyên tắc trên được áp dụng trong các cam kết của Việt Nam với các nhà đầu tư EU đối với những lĩnh vực nhất định có trong Biểu cam kết. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn cam kết cho tất cả các lĩnh vực dịch vụ (bao gồm cả mở cửa thị trường dịch vụ qua biên giới) trong một số trường hợp nhất định đã được nêu trong EVFTA.

Bên cạnh việc đảm bảo các nguyên tắc tương tự WTO và một số Hiệp định FTA khác về mở cửa thị trường, Việt Nam cũng đưa ra các cam kết về hiện diện thương mại trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng, cụ thể tại Tiểu Phụ lục 8-B-2, Chương 8, Hiệp định EVFTA như sau:

Về hiện diện thương mại, các ngân hàng thương mại nước ngoài chỉ được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng thương mại liên doanh (phần góp vốn của bên nước ngoài không vượt quá 50% vốn điều lệ), ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài

Về tham gia cổ phần, Việt Nam có thể hạn chế việc tham gia cổ phần của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại quốc doanh của Việt Nam được cổ phần hoá ngang bằng mức tham gia cổ phần của các ngân hàng Việt Nam. Tổng số cổ phần do pháp nhân

nước ngoài nắm giữ tại NHTM Việt Nam không được quá 30% vốn điều lệ. Trong vòng 5 năm đầu sau khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xem xét cho phép các tổ chức tín dụng của EU mua đến 49% cổ phần của 2 Ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần Việt Nam (so với mức tối đa trước đó là 30%), ngoại trừ 4 NHTM cổ phần có sở hữu Nhà nước bao gồm Vietinbank, BIDV, Vietcombank và Agribank (Đặng Thị Phương, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, 2020, p. 57). Ngoài ra, chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài không được phép mở các điểm giao dịch khác ngoài trụ sở chi nhánh của mình, ngoại trừ các cột rút tiền tự động (ATM).

Nhìn chung, các cam kết thương mại dịch vụ trong EVFTA đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực đến nhiều ngành dịch vụ hỗ trợ, trong đó bao gồm lĩnh vực ngân hàng. EVFTA cũng mở ra cơ hội kết nối cho các ngân hàng Việt Nam với ngân hàng châu Âu để mở rộng quy mô và tệp khách hàng.

Ngoài ra, hiện nay các ngân hàng hiện nay gặp khó khăn trong việc đáp ứng các chuẩn mực khắt khe về an toàn vốn của Hiệp ước Basel. Nhiều ngân hàng đã đẩy mạnh việc tìm nhà đầu tư chiến lược từ bên ngoài, tuy nhiên một vài ngân hàng có tỷ lệ sở hữu đầu tư nước ngoài đã gần đạt hoặc vừa đến ngưỡng tối đa 30% theo quy định. Do đó, EVFTA đã mở ra một “lối thoát” các ngân hàng đang thiếu vốn chủ sở hữu đáp ứng chuẩn Basel II (Đặng Thị Phương, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, 2020, p. 57). Khi đó, các ngân hàng trong nước sẽ được tiếp cận bộ máy quản trị và công nghệ hiện đại thông qua sự tham gia của các đối tác chiến lược EU.

Từ những phân tích trên, ta có thể nhận thấy được sự chênh lệch rõ rệt về mức độ mở cửa thị trường của các cam kết đã nêu. Dựa trên tương quan so sánh trực tiếp, Hiệp định EVFTA và CPTPP đều có mức độ mở cửa cao hơn so với WTO đối với ngành dịch vụ ngân hàng. Trong đó, EVFTA đã đưa ra mức cam kết cao nhất khi đem lại cơ hội cho các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ cổ phần nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ phần, so với mức 30% mà CPTPP đưa ra (Trung Hà, 2022).

2. Thực trạng thực thi những cam kết quốc tế của Việt Nam về hiện diện thương mại trong lĩnh vực ngân hàng

2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các cam kết

Trong năm 2022, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã đăng tải kịp thời, đầy đủ các thông tin liên quan đến lĩnh vực ngân hàng trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do FTA mà Việt Nam tham gia trên Cổng thông tin điện tử NHNN, qua đó giới thiệu, phổ biến rộng rãi cho cán bộ công nhân viên chức ngành Ngân hàng nói riêng, các cơ quan, tổ chức và công chúng nói chung nắm được nội dung cam kết và cách thức thực thi cam kết Hiệp định trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng tài chính một cách đúng đắn, rõ ràng, hiệu quả, nhất quán; Đăng tải nhiều thông cáo báo chí liên quan đến tài liệu, nội dung các Hiệp định được ban hành, ký kết.

Ngoài ra, NHNN đã phối hợp với các cơ quan báo chí trong và ngoài ngành kịp thời đưa tin về những sự kiện liên quan trực tiếp và bên lề của các Hiệp định có liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng; đăng tải nhiều bài viết nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử, quá trình hình thành và tác động của các Hiệp định hội nhập quốc tế đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại Việt Nam và quốc tế, ví dụ như “Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng”, “Hiệp định RCEP”, “Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam”, “Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương và những vấn đề đặt

ra đối với ổn định tài chính tại Việt Nam”,...; đẩy mạnh truyền thông chính sách, đảm bảo thông tin được truyền tải đầy đủ, kịp thời giúp chính sách đi vào cuộc sống, tăng niềm tin của người dân đối với các cơ chế, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thông tin tác động đến an toàn hệ thống.

Để thực hiện truyền thông chính sách một cách có hiệu quả, NHNN đã thực hiện đa dạng các hình thức truyền thông. Kết hợp các hình thức truyền thông truyền thống với các xu hướng truyền thông mới, áp dụng trên các nền tảng công nghệ hiện đại, đa dạng các kênh như báo nói, báo viết, báo hình, báo mạng, mạng xã hội,...; phối hợp với VTV, các Trường học và các đơn vị liên quan thực hiện các chương trình truyền thông giáo dục tài chính như *Tiền khéo tiền khôn*, *Tay hòm chìa khóa*, *Đồng tiền thông thái*,... nhằm truyền thông đến với người dân bằng hình thức đa dạng, sáng tạo dễ nghe, dễ hiểu, dễ thực hiện.

2.2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong phạm vi quản lý của NHNN về cơ bản là phù hợp với các cam kết FTA của Việt Nam. Cơ chế chính sách pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng được NHNN ban hành trên cơ sở nguyên tắc đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan. Một số nội dung cam kết trong các FTA chưa tương thích với pháp luật trong nước nhưng có thể áp dụng trực tiếp vì đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện và đến nay chưa ghi nhận trở ngại về mặt pháp lý (Lê Anh, 2022).

Thứ nhất, ngân hàng nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam chỉ được phép cung cấp một số loại dịch vụ nhất định, cụ thể là: Cung cấp thông tin tài chính; Xử lý dữ liệu tài chính; Cung cấp phần mềm tài chính; Tư vấn, môi giới, phân tích tín dụng; Nghiên cứu và tư vấn về đầu tư, danh mục đầu tư, tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp.

Thứ hai, các ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài được phép thành lập ngay khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO với một số điều kiện trong biểu mẫu cam kết đã phân tích mục 1.1. Bên cạnh đó, các ngân hàng này còn phải tuân thủ những điều kiện kỹ thuật mà pháp luật Việt Nam quy định chung cho các ngân hàng. Trong số đó có Nghị định 22/2006/NĐ-CP đã nội luật hóa toàn bộ các điều kiện về việc thành lập ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, theo cam kết, các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính có vốn đầu tư nước ngoài được phép thành lập hoặc mở chi nhánh tại Việt Nam. Bên cạnh các điều kiện trong biểu mẫu, một số điều kiện khác về mặt kỹ thuật được áp dụng chung được nội luật hóa trong Công văn số 1210/NHNN-CN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các tổ chức tài chính nước ngoài cũng được phép mở văn phòng đại diện tại Việt Nam. Tuy nhiên, văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động nhằm mục đích sinh lời.

2.3. Công tác điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của NHNN đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều mặt, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra từ đầu năm và góp phần duy trì các tác động tích cực từ các Hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA

Trong năm 2022, đà phục hồi kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro từ xung đột địa chính trị, giá cả và lạm phát thế giới tăng mạnh, chính sách tiền tệ tại các quốc gia thắt chặt nhanh, lãi suất, tỷ giá toàn cầu biến động buộc Việt Nam phải sử dụng dự trữ ngoại hối để can thiệp

trên thị trường ngoại tệ và siết chặt kiểm soát dòng vốn (Phan Linh, 2023). Các giải pháp tiền tệ, tín dụng nhằm mục đích hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế song song với việc đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã được NHNN nhanh chóng triển khai theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tiêu biểu là: Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ, hỗ trợ phục hồi kinh tế (Minh Huệ, 2022), Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ, hỗ trợ phục hồi kinh tế (Minh Huệ, 2022), Điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT (Nguyễn Đức Long, 2017), Điều hành đồng bộ các công cụ CSTT để điều tiết thanh khoản phù hợp, đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ (Hồng Anh, 2017)...

Mặc dù chịu nhiều tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 trong năm 2020-2021, song ngành ngân hàng đã chủ động triển khai kịp thời Kế hoạch thực thi các Hiệp định CPTPP, EVFTA. Các chính sách theo kế hoạch đã mang lại những thành tích đáng kể, như tăng trưởng GDP năm 2022 ước tính khoảng 8% đóng góp lớn vào công cuộc phục hồi nền kinh tế sau đại dịch, đảm bảo mức lạm phát bình quân năm 2022 dự kiến phù hợp với mục tiêu mà Quốc hội đề ra, tiếp tục đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, năng lực cạnh tranh ngành được nâng cao; mặt bằng lãi suất cho vay ổn định với mục tiêu tiếp sức cho doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch. Đây là bằng chứng cho thấy sự đúng hướng trong cách tiếp cận của ngành Ngân hàng nói riêng, và của Nước ta nói chung, góp phần tích cực trong việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội Việt Nam đặt ra trong bối cảnh hội nhập các FTA thế hệ mới.

3. Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị

3.1. Vấn đề đặt ra

Việc tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế đã mang đến nhiều cơ hội nâng cao tính hiệu quả và khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam thông qua nhiều chính sách mới phù hợp với hệ thống pháp luật toàn cầu.

Quá trình hội nhập quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam qua việc thực thi chính sách tiền tệ độc lập, đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất. Việc mở cửa thị trường góp phần tạo ra sự dịch chuyển trong quá trình sắp xếp thị trường, các ngân hàng hoạt động theo hướng chuyên môn hoá tùy theo thế mạnh của mình (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2007). Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế mà hội nhập quốc tế đem lại, các cam kết quốc tế hiện nay của Việt Nam trong ngành ngân hàng đặt ra một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, sự cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng ngày càng gay gắt. Hiện nay, song song với sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ tài chính, các ngân hàng phải đối diện với một thách thức vô cùng khó khăn, đó là số lượng các đối thủ cạnh tranh ngày càng gia tăng theo các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường. Các đối thủ cạnh tranh này không chỉ có tiềm lực mạnh mẽ về tài chính, mà còn có thế mạnh về công nghệ và trình độ quản lý, khiến cho áp lực cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa ngày càng gia tăng. Mặt khác, sự nới lỏng các hạn chế về mở cửa chi nhánh, phạm vi hoạt động và huy động vốn của các ngân hàng nước ngoài theo xu hướng của các cam kết FTA thế hệ mới có thể làm gia tăng áp lực cạnh tranh của các ngân hàng ngay trên thị trường nội địa. Các NHTM trong nước sẽ phải đối mặt với sự tham gia mạnh

mẽ của ngân hàng nước ngoài và việc gia tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các ngân hàng Việt (Dũng Nguyễn, 2022), đặc biệt sự tham gia của các quốc gia như Nhật Bản, Singapore, Úc... Các ngân hàng thuộc các quốc gia phát triển có thể mạnh về công nghệ hiện đại cùng nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là một nguy cơ ngay trước mắt của các ngân hàng Việt Nam.

Thứ hai là vấn đề nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực bền vững là yếu tố nền tảng cho sự bứt phá của bất kỳ lĩnh vực nào. Tuy nhiên, thực trạng nguồn nhân lực hiện nay của các ngân hàng lại gặp phải nhiều nút thắt. Cụ thể, các ngân hàng thường phải tuyển số lượng lớn nhân sự trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, các ngân hàng hiện nay đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, liên tục nâng cao và mở rộng kiến thức, đáp ứng được yêu cầu thay đổi linh hoạt để theo kịp với xu hướng phát triển theo các cam kết quốc tế. Chính vì vậy, ngành ngân hàng Việt Nam đang thiếu đội ngũ nhân viên chất lượng đủ hàng năm có tới hàng chục nghìn sinh viên ngành tài chính - ngân hàng tốt nghiệp (Việt Âu, 2017).

Song song với việc gặp áp lực trong tìm kiếm nguồn lực, các ngân hàng phải liên tục đào tạo chất lượng cho nhân sự, nhưng khi nhân sự bắt đầu có kinh nghiệm, họ sẵn sàng dịch chuyển sang các tổ chức, ngân hàng nước ngoài, để thêm cơ hội phát triển khả năng và nguồn thu nhập tốt hơn (Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI, no date).

Thực trạng này một phần xuất phát từ chế độ đãi ngộ của các NHTM Việt Nam chưa hợp lý, dẫn đến tình trạng mất ổn định trong lực lượng ngành ngân hàng, đây cũng là vấn đề mà các NHTM Việt Nam cần đặc biệt quan tâm (Phạm Thủy Tú, 2019, p. 60).

Thứ ba, quy mô và năng lực của ngành ngân hàng Việt Nam còn khá hạn chế. Trong những năm gần đây, ngân hàng Việt đã có những sự bứt phá vượt bậc về quy mô, mức độ an toàn vốn, mặc dù vậy, mức độ này vẫn còn khá thấp so với các quốc gia khác trong khu vực và các quốc gia thuộc CPTPP, đứng thứ 6/11 quốc gia thành viên, thấp hơn nhiều lần so với các nước: Singapore, Úc, Canada (Nguyễn Thụy Linh, Vũ Ngọc Diệp, Lê Mai Trang, 2018, p. 172). Theo thống kê, Việt Nam hiện nay vẫn chưa có tên trên “bản đồ” của 100 ngân hàng đứng đầu thế giới.

Thứ tư, nguy cơ bị chi phối. Mặc dù chính phủ Việt Nam đã nỗ lực đưa ra các quy định chặt chẽ để giữ vững quyền kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, cụ thể tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP, nhà nước quy định, đối với tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam, tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài hiện nay không được vượt quá 20% vốn điều lệ và tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 30%. Tuy nhiên, với những thế mạnh công nghệ, tài chính và nhân lực, các ngân hàng nước ngoài có xu hướng xâm nhập và phát triển thị trường mới bằng cách mua cổ phần của các ngân hàng Việt Nam và trở thành cổ đông chiến lược, sau đó, họ tìm cách thôn tính các ngân hàng này hoặc thực hiện các thương vụ M&A về ngân hàng.

Thứ năm, vấn đề nâng cao chuẩn mực theo thông lệ quốc tế. Có thể nhận định rằng, hệ thống chính sách, pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng hiện nay vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế. Hiệu lực thực thi pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng chưa cao dẫn đến các quyền và lợi ích hợp pháp của các ngân hàng chưa được bảo vệ hợp lý. Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã nỗ lực nghiên cứu và áp dụng các chính sách phù hợp với bối cảnh phát triển sâu rộng đối với khu vực và thế giới. Một trong số đó là việc thông qua chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào năm 2019. Tuy nhiên, việc áp dụng này có thể gây ra một số khó khăn và

rủi do cho doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn đầu. Chính vì vậy, nhà nước cần xem xét, ban hành các văn bản hướng dẫn sát với nội dung IFRS, tránh tình trạng hiểu sai, khó áp dụng cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong khi ngân hàng một số nước đã lên chuẩn mực thứ ba của Basel thì Việt Nam, tính đến năm 2020, chỉ có 18 ngân hàng được NHNN công nhận đạt chuẩn Basel II (Nguyễn Thị Dung, 2022, p. 70). Cho đến hiện tại, có rất ít ngân hàng công bố hoàn thành các chỉ tiêu trong chuẩn mực Basel III dù việc thử nghiệm triển khai 4-5 năm trước.

3.2. Khuyến nghị

Như đã phân tích ở phần trên, ngành Ngân hàng tại Việt Nam đang trong xu hướng hội nhập quốc tế với rất nhiều cơ hội tiềm năng được mở ra. Tuy nhiên, đi đôi với những cơ hội đó là những thách thức, khó khăn mà các ngân hàng cần phải đối mặt. Điều này đặt ra nhu cầu nghiên cứu kỹ càng để đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hội nhập cũng như giúp ngành Ngân hàng phát triển về cả chất lượng và hiệu quả.

Về tổng quan, những giải pháp, kiến nghị được đề xuất sẽ theo hướng tận dụng những thế mạnh sẵn có của toàn ngành để mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài,... đồng thời hợp tác với các định chế trong CPTPP, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh.

Từ những định hướng, phân tích trên, cụ thể một số giải pháp được khuyến nghị như sau (Trịnh Tường Khiêm, Trần Linh Huân, Lê Phạm Anh Thơ, 2023):

Một là, Nhà nước cần nghiên cứu, điều chỉnh và đưa ra các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hai mục đích, đầu tiên là tuyên truyền, nâng cao kiến thức về hiện diện thương mại tại Việt Nam nói riêng và các cam kết quốc tế GATS, CPTPP hay EVFTA nói chung; thứ hai là điều chỉnh một số điều luật, chính sách phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời dự trữ đối phó những tình huống, rủi ro trong tương lai. Điều này giúp cho các ngân hàng trong nước gia tăng được sức cạnh tranh đối với những đối thủ nước ngoài; làm giảm nguy cơ bị chi phối thị trường (thông qua việc thắt chặt các điều luật, cam kết về vấn đề các ngân hàng thu tóm cổ phần của các ngân hàng trong nước hoặc thực hiện các thương vụ M&A về ngân hàng); đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho các ngân hàng trong nước tận dụng được quá trình hội nhập quốc tế để rút ra các kinh nghiệm quý báu trong ngành từ các ngân hàng, tổ chức tài chính trên thế giới.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực cần phải được nâng cao chất lượng về cả chuyên môn và khoa học kỹ thuật. Thời đại hội nhập quốc tế, bắt kịp xu hướng công nghệ số vào trong các hoạt động ngân hàng là một trong những yêu cầu bắt buộc. Để nâng cao chất lượng con người, các ngân hàng cần tạo điều kiện tổ chức các hoạt động đào tạo, khóa học nâng cao, mang đến cho nhân viên cơ hội được tiếp cận khoa học kỹ thuật và các kiến thức chuyên môn tân tiến trong ngành từ bên ngoài quốc tế. Ngoài ra, các chiến lược tuyển dụng và giữ chân nhân tài có trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật cao cũng cần được các ngân hàng tính toán, xây dựng kỹ càng. Không chỉ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngân hàng trong ngành cũng cần chú trọng việc áp dụng những kiến thức, khoa học kỹ thuật đã có được vào thực tiễn, không thể để dừng lại trên lý thuyết, gây lãng phí nguồn nhân lực và vật lực; đồng thời xa hơn là đưa những kiến thức này vào trong đào tạo và giảng dạy cho những thế hệ kế cận tương lai sau này.

Ba là, Việt Nam cần nâng cao chuẩn mực về cả quy mô và năng lực của ngành ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Vấn đề này đã được quan tâm khi mà Chính phủ đã thông qua chuẩn mực

báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) năm 2019 trong nỗ lực nghiên cứu và áp dụng các chính sách phù hợp với bối cảnh phát triển sâu rộng đối với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, với việc các cam kết quốc tế về hiện diện thương mại đang đi sâu vào thị trường trong nước, đồng nghĩa với việc các ngân hàng trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gắt gao trên chính sân nhà của mình, Nhà nước cần xem xét ban hành các văn bản hướng dẫn sát với nội dung IFRS, tránh tình trạng hiểu sai, khó áp dụng cho các ngân hàng trong nước; hỗ trợ tạo điều kiện về các chính sách vốn và chính sách phát triển ngành, qua đó giúp các ngân hàng nội địa nâng cao khả năng đối mặt với sự cạnh tranh gắt gao của đối thủ trên chính sân nhà của mình.

Kết luận

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng là một xu thế tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc Việt Nam gia nhập các cam kết quốc tế đã mở ra cơ hội to lớn cho các tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia thị trường dịch vụ ngân hàng Việt Nam, đồng thời đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với hệ thống ngân hàng trong nước. Trong bối cảnh ấy, việc phân tích, đánh giá các khó khăn, thách thức mà hệ thống ngân hàng đang gặp phải là một nhiệm vụ rất cần thiết, nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế hiệu quả và bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Công Thương. (2010), “Cam kết về dịch vụ khi gia nhập WTO: Bình luận của người trong cuộc”, *NXB Thống kê, Hà Nội*, pp. 179-214.

Cổng thông tin dịch vụ quốc gia về đầu tư, (2021) “Điều kiện dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và các dịch vụ có liên quan khác”, truy cập tại https://vietnaminvest.gov.vn/SitePages/News_Detail.aspx?ItemId=216 (truy cập ngày 15/10/2022).

Đặng, T. P., Nguyễn, T. C. N. (2020), “Tác động của Hiệp định EVFTA đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1, p. 133.

Dự án hỗ trợ thương mại đa biên, (2006), “Cẩm nang Cam kết thương mại dịch vụ của Việt Nam trong WTO”, *Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI*, truy cập tại <https://trungtamwto.vn/an-pham/4446-cam-nang-cam-ket-thuong-mai-dich-vu-cua-viet-nam-trong-wto> (truy cập ngày 10/10/2023).

Hồng, A. (2017), “Linh hoạt điều phối các công cụ chính sách tiền tệ”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính*, truy cập tại https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/1/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM118962 (truy cập ngày 04/10/2023).

Hương, D. (2020), “EVFTA “chấp cánh” cho ngân hàng Việt”, *Hải quan Online*, truy cập tại <https://haiquanonline.com.vn/evfta-chap-canhh-cho-ngan-hang-viet-132632.html> (truy cập ngày 11/10/2023).

Lê, A. (2022), “Nội luật hóa các quy định của cptpp và evfta vào hệ thống pháp luật quốc gia”, *Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam*, truy cập tại <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=64058> (truy cập ngày 12/10/2022).

Minh, H. (2022) “Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến lạm phát và thị trường trong, ngoài nước”, 23/09/2022, *Tạp chí Thuế Nhà nước*, truy cập tại

<https://thuenhanuoc.vn/tapchi/chuyen-muc/kinh-te-xa-hoi/92f6106c-57de-49dc-ad67-44d82d7d2b9f> (truy cập ngày 04/10/2022).

MUTRAP, (2017), “EVFTA và các ngành dịch vụ tài chính Việt Nam”, *Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI*, truy cập tại <https://wtocenter.vn/file/16254/EU42-Financing.pdf> (truy cập ngày 15/10/2022).

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2007), “Lộ trình mở cửa của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong cam kết gia nhập WTO”, www.sbv.gov.vn, truy cập tại <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/tcnh/tcnh> (truy cập ngày 05/10/2023).

Nguyễn T.D., (2022), “Quá trình áp dụng tiêu chuẩn Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, p. 197.

Nguyễn, D. (2022) “Nhà đầu tư nước ngoài ‘bom’ hàng tỉ đô la cho ngân hàng Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế Sài Gòn*, truy cập tại <https://thesaigontimes.vn/nha-dau-tu-nuoc-ngoai-bom-hang-ti-do-la-cho-ngan-hang-viet-nam/> (truy cập ngày 08/10/2023).

Nguyễn, Đ. L. (2017), “Điều hành chính sách tiền tệ: Chủ động và linh hoạt”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính*, truy cập tại https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttncdtbh/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM108136 (truy cập ngày 04/10/2023).

Nguyen, P. (2019) “Domestic banks gain CPTPP benefits”, *Vietnam Investment Review*, truy cập tại: <https://vir.com.vn/domestic-banks-gain-cptpp-benefits-66719.html> (truy cập ngày 16/10/2022).

Nguyễn, T. L., Vũ, N. D., Lê, M.T. (2018), “Ngành Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP”, *Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI*, truy cập tại <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/12248-nganh-ngan-hang-viet-nam-trong-boi-canhh-thuc-thi-hiep-dinh-cptpp> (truy cập ngày 12/10/2023).

Phạm, T. T. (2019), “Cơ hội và thách thức cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính, Marketing*, số 52, p. 62.

Phan, L. (2023), “Ngân hàng nhà nước mua ròng ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối”, *VnEconomy*, truy cập tại <https://vneconomy.vn/ngan-hang-nha-nuoc-mua-rong-ngoai-te-bo-sung-du-tru-ngoai-hoi.htm> (truy cập ngày 04/10/2023).

Sở Công thương Ninh Bình. (2019), “Các cam kết trong lĩnh vực Dịch vụ và Đầu tư của Hiệp định CPTPP”, truy cập tại <http://congthuong.ninhbinh.gov.vn/cac-cam-ket-trong-linh-vuc-dich-vu-va-dau-tu-cua-hiep-dinh-cptpp.html> (truy cập ngày 17/10/2022).

Thời báo Ngân hàng. (2022), “Hệ thống ngân hàng có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế”, truy cập tại: <https://thoibaonganhang.vn/he-thong-ngan-hang-co-vai-tro-quan-trong-doi-voi-nen-kinh-te-132365.html> (truy cập ngày 12/10/2023).

Tô, H. V. (2019), “Hiện thực hóa cơ hội do CPTPP mang lại tại lĩnh vực ngân hàng”, *Báo Đầu tư Chứng khoán*, truy cập tại: <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/hien-thuc-hoa-co-hoi-do-cptpp-mang-lai-tai-linh-vuc-ngan-hang-post213388.html> (truy cập ngày 15/10/2022).

Trịnh T.K., Trần, L.H. & Lê, P. A. T. (2023), “Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng: Thách thức và một số giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Ngân hàng*, truy cập tại: <https://tapchinganhang.gov.vn/hoi-nhap-quoc-te-trong-linh-vuc-ngan-hang-thach-thuc-va-mot-so-giai-phap-khac-phuc.htm?fbclid=iwar3rtzjutp7bqbcf9rjw6ffmpho429s-iotqysfhwesuc2bsvcmiucj9lw> (truy cập ngày 03/03/2023).

Trung H. (2022), “So sánh Hiệp định EVFTA với CPTPP”, *Tạp chí Công Thương*, truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/so-sanh-hiep-dinh-evfta-voi-cptpp-100341.htm> (truy cập ngày 14/10/2023).

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI, “Trung tâm Ngân hàng Việt trước CPTPP: Áp lực tạo động lực để thay đổi”, truy cập tại: <https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/13402-ngan-hang-viet-truoc-cptpp-ap-luc-tao-dong-luc-de-thay-doi> (truy cập ngày 01/10/2023).

Việt, Á. (2017), “Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong ngành tài chính, ngân hàng, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam”, truy cập tại: <https://dangcongsan.vn/tai-chinh-va-chung-khoan/thieu-hut-nhan-luc-chat-luong-cao-trong-nganh-tai-chinh-ngan-hang-444043.html> (truy cập ngày 04/10/2022).